

Số: /2026/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Quy định định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định 187/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Theo đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số /TTr-SGDĐT ngày /4/2026; Báo cáo thẩm định số /BC-STP ngày /4/2026 của Sở Tư pháp;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức số lượng học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc trường hợp đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Số lớp theo bố trí: Là số lớp theo cấp học trong cơ sở giáo dục sau khi bố trí học sinh theo quy định của Điều lệ trường học, phù hợp với thực tế (kể cả ghép lớp theo quy định), đảm bảo số lớp là ít nhất.

2. Bình quân sĩ số học sinh/lớp: Là một số được tính bằng tổng số học sinh theo cấp học của cơ sở giáo dục chia cho số lớp theo bố trí.

3. Mức bình quân theo vùng: Là số lượng học sinh/lớp theo vùng quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT.

4. Vùng: Được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT.

5. Trường hợp đặc biệt: Là các trường hợp phải bố trí số lượng học sinh/lớp thấp hơn hoặc cao hơn so với mức bình quân theo vùng quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT.

Điều 3. Quy định mức học sinh trên lớp trong một số trường hợp đặc biệt

1. Các trường hợp đặc biệt quy định mức số lượng học sinh/lớp đối với cơ sở giáo dục theo cấp học như sau:

a) Có bình quân sĩ số học sinh/lớp cao hơn mức bình quân theo vùng từ 3 học sinh/lớp trở lên.

b) Có dưới 11 lớp, có bình quân sĩ số học sinh/lớp thấp hơn mức bình quân theo vùng.

c) Có 11 lớp trở lên, trong đó có bình quân sĩ số học sinh/lớp thấp hơn mức bình quân theo vùng dưới 10 học sinh/lớp đối với cấp Tiểu học; thấp hơn mức bình quân theo vùng dưới 05 học sinh/lớp đối với cấp học THCS và THPT.

d) Có 11 lớp trở lên, trong đó bình quân sĩ số học sinh/lớp thấp hơn mức bình quân theo vùng từ 10 học sinh/lớp trở lên đối với cấp Tiểu học; thấp hơn mức bình quân theo vùng từ 05 học sinh/lớp trở lên đối với cấp học THCS và THPT.

2. Quy định định mức số lượng học sinh/lớp trong một số trường hợp đặc biệt để làm căn cứ giao hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông theo cấp học như sau:

a) Cơ sở giáo dục thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Bằng 0,95 lần của bình quân sĩ số học sinh/lớp.

b) Cơ sở giáo dục thuộc trường hợp quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều này: Bằng bình quân sĩ số học sinh/lớp.

c) Cơ sở giáo dục thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này: Bằng 1,05 lần bình quân sĩ số học sinh/lớp.

Điều 4. Trách nhiệm thực hiện

Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu hướng dẫn việc áp dụng định mức số lượng học sinh/lớp trong một số trường hợp đặc biệt quy định tại Quyết định này làm căn cứ giao hoặc phê duyệt số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng 5 năm 2026. Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Trường hợp các văn bản, quy định được viện dẫn trong Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ thì thực hiện theo các văn bản mới.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Bộ GDĐT (báo cáo);
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh Quảng Ninh;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hạnh